

**TÒA ÁN QUÂN SỰ KHU VỰC
QUÂN CHỨNG HẢI QUÂN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 06/2023/HS-ST
Ngày 26/10/2023

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN QUÂN SỰ KHU VỰC QUÂN CHỨNG HẢI QUÂN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: 3// Nguyễn Kim Việt.

Các Hội thẩm quân nhân:

3// Lê Hồng Quang;

3// Nguyễn Duy Bá.

- Thư ký phiên tòa: 3/ Trần Đoàn Thanh Thịnh, Thư ký Tòa án quân sự khu vực Quân chủng Hải quân.

- Đại diện Viện kiểm sát quân sự khu vực 2 Quân chủng Hải quân tham gia phiên tòa: 2// Nguyễn Trung Đang và 1// Phạm Văn Nhất, Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 10 năm 2023, tại Hội trường Kho Q, Trung tâm BK, Bộ Tư lệnh Vùng B Hải quân, Tòa án quân sự khu vực Quân chủng Hải quân xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 07/2023/TLST-HS ngày 19 tháng 9 năm 2023, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 06/2023/QĐXXST-HS ngày 13 tháng 10 năm 2023, đối với bị cáo:

Trương Hải Đ, sinh ngày 24 tháng 12 năm 2003 tại: Phú Yên; nơi cư trú: Đại đội VB, Phòng TM, Trung tâm BK, Bộ Tư lệnh Vùng B Hải quân; nghề nghiệp: Bộ đội; cấp bậc, chức vụ, đơn vị khi phạm tội: Binh nhất, Chiến sĩ, Đại đội VB, Phòng TM, Trung tâm BK, Bộ Tư lệnh Vùng B Hải quân; trình độ học vấn: Lớp 8; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trương Văn B và bà Nguyễn Thị H; vợ, con: Chưa có; tiền án: Không; tiền sự: Không; nhân thân: Chưa bị kết án, xử lý hành chính lần nào; hiện đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “Bảo lãnh” từ ngày 23/4/2023 đến nay; có mặt.

- Người đại diện hợp pháp của bị cáo: Anh Trần Bảo H1, sinh ngày 14/9/1989, tại Thanh Hoá; nơi cư trú: Số D, đường T, tổ E, khu phố E, phường L, thành phố B, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu; nghề nghiệp: Bộ đội; cấp bậc, chức vụ, đơn vị: Thượng úy, Chính trị viên, Đại đội VB, Phòng TM, Trung tâm BK, Bộ Tư lệnh Vùng B Hải quân; là người được ông Trương Văn B và bà Nguyễn Thị H là bố, mẹ đẻ của bị cáo ủy quyền; có mặt.

- *Bị hại:* Ông Đỗ Văn T, sinh ngày 27/4/1969, tại Thành phố Hồ Chí Minh; nơi cư trú: Số I tỉnh lộ 43, phường B, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh; nghề nghiệp: Lái xe ôm; vắng mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:* Ông Trần Văn S, sinh ngày 04/11/1977 tại Thanh Hoá; nơi cư trú: Số G, đường Đ, phường T, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh; có mặt.

- *Người làm chứng:* Ông Lê Văn K; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trương Hải Đ là chiến sĩ thuộc Đại đội VB, Phòng TM, Trung tâm BK, Bộ Tư lệnh Vùng B Hải quân. Ngày 31/12/2022, bị cáo Đ tự ý rời khỏi đơn vị về nhà tại thôn T, xã ĐL, huyện V, tỉnh Khánh Hòa. Được sự động viên của chỉ huy đơn vị và người thân, ngày 02/01/2023, bị cáo quay trở lại đơn vị. Khoảng 07 giờ 00 phút ngày 02/01/2023, bị cáo đi xe khách từ Khánh Hòa vào Thành phố Hồ Chí Minh với giá tiền là 450.000 đồng nhưng chỉ trả trước 250.000 đồng, còn 200.000 đồng bị cáo nói khi đến nơi sẽ trả. Khoảng 18 giờ 00 phút cùng ngày, tại khu vực cổng chợ đầu mối nông sản T, bị cáo mượn của ông Đỗ Văn T (lái xe ôm) 200.000 đồng để trả tiền xe trước đó còn thiếu; đồng thời thỏa thuận thuê ông T chở về đơn vị tại xã P, huyện N, tỉnh Đồng Nai với giá 500.000 đồng và hứa về đến đơn vị sẽ trả đủ 700.000 đồng cho ông T. Ông T chở bị cáo theo hướng qua phà C, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh sang huyện N, tỉnh Đồng Nai. Trên đường đi, bị cáo mượn điện thoại Oppo Reno 4 màu xanh của ông T để định vị tìm đường đi, đăng nhập tài khoản zalo của mình có tên Trương Hải Đ, gửi định vị cho anh Nguyễn Văn P và tiếp tục giữ chiếc điện thoại này. Do lo sợ về đơn vị sẽ bị kỷ luật và bức tức việc ông T lấy giá xe ôm cao, nên bị cáo cố tình không chỉ đường cho ông T chở vào đơn vị mà để ông T tự tìm đường, chở đi lòng vòng.

Khoảng 21 giờ 45 phút cùng ngày, khi đến cổng phụ Công ty trách nhiệm hữu hạn Đ1 (Công ty Đ1) trên đường P (thuộc ấp R, xã P, huyện N, tỉnh Đồng Nai), thấy trời tối và trên đường không có ai, nên bị cáo nảy sinh ý định chiếm đoạt chiếc điện thoại Oppo Reno 4 mà bị cáo đang cầm cùng với 200.000 đồng đã mượn và 500.000 đồng tiền công xe ôm của ông T. Bị cáo yêu cầu ông T dừng xe rồi giả vờ đi vệ sinh, bỏ chiếc điện thoại vào túi quần, đi đến cổng phụ Công ty Đ1, mở cửa bước vào trong. Ông T đi theo, giữ bị cáo lại, kêu lên “trả điện thoại lại cho tôi”. Bị cáo không trả lại mà nói “buông ra, buông ra ...”, giằng co với ông T từ cổng phụ vào trong Công ty Đ1 một đoạn khoảng 10 mét, thì bị cáo vật ông T ngã xuống nền đất, ngồi lên bụng ông T, dùng tay đánh nhiều cái vào mặt, người ông T. Ông T chống trả, la lên “cướp, cướp”, dùng chân đạp vào bụng bị cáo làm bị cáo ngã văng ra. Ông T vùng dậy và chạy đến chốt bảo vệ của Công ty Đ1 và Công ty S1 nói mình vừa bị cướp điện thoại và

nhờ báo Công an. Còn bị cáo, ngay sau đó đã chạy trốn theo lối nhỏ bên cạnh tường rào ngăn cách Công ty Đ1 và Công ty trách nhiệm hữu hạn S1 (Công ty S1). Chạy được khoảng 20 mét, bị cáo quay lại khu vực đã đánh ông T để tìm đôi dép bỏ quên, thì nhìn thấy 01 điện thoại di động hiệu Nokia màu xanh đang sáng màn hình, bị cáo nhặt, bỏ vào túi quần rồi trèo qua tường và trốn vào bên trong khuôn viên Công ty S1. Đến khoảng 01 giờ ngày 03/01/2023, bị cáo đi ra ngoài thì bảo vệ và Công an xã P, huyện N, tỉnh Đồng Nai bắt, giữ. Bị cáo đã dùng vũ lực chiếm đoạt tiền và tài sản của bị hại với tổng trị giá là 1.640.000 đồng. Quá trình giằng co, vật lộn với bị cáo, ông T bị xây xát nhẹ, có đơn từ chối giám định tỷ lệ tổn thương cơ thể.

Tại phiên tòa, bị cáo khai nhận hành vi phạm tội của mình, phù hợp với chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án, đã được thẩm tra tại phiên tòa, phù hợp với nội dung nêu trên.

Đại diện hợp pháp của bị cáo – Anh Trần Bảo H1 khai tại phiên tòa, có nội dung: Anh là chỉ huy trực tiếp của bị cáo, được bố, mẹ bị cáo ủy quyền cho tham gia toàn bộ quá trình giải quyết vụ án, anh đồng ý với việc ủy quyền này. Trong thời gian ở đơn vị, bị cáo thường có những biểu hiện hay quên, lơ đãng, có lúc ngồi nói chuyện một mình; đơn vị đã nhận thấy và chỉ giao cho bị cáo làm những việc nhẹ nhàng. Anh thấy quá trình tố tụng, các cơ quan tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng quy định, bảo đảm quyền lợi của bị cáo. Anh đề nghị Hội đồng xét xử xem xét, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo; ngoài ra, anh không có ý kiến gì khác.

Bị hại Đỗ Văn T khai tại Cơ quan Điều tra, có nội dung: Ngày 02/01/2023, tôi chạy xe ôm chở Đ từ chợ đầu mối T về N, Đồng Nai với giá là 500.000 đồng và cho Đ mượn 200.000 đồng trả tiền vé xe khách Hai C, Đ hứa đến đơn vị thì trả tôi tổng số tiền là 700.000 đồng. Khi đi được khoảng 05km, Đ hỏi, tôi cho Đ mượn điện thoại Oppo Reno 4 để Đ định vị đường cho tôi. Sau khi qua phà C, tôi hỏi Đ địa chỉ đơn vị, nhưng Đ nói là cứ đi đi mà không chỉ đường về đơn vị, để tôi tự tìm, phải đi lòng vòng, không tìm được đơn vị của Đ. Khi đi đến trước Công ty Đ1, thì Đ nói dừng xe để Đ qua đường lấy tiền. Đ vẫn cầm chiếc điện thoại của tôi cho mượn và đi sang cổng Công ty, tôi nghi ngờ Đ lấy chiếc điện thoại nên tôi giữ Đ lại và kêu “trả điện thoại lại cho tôi...”, Đ không trả mà nói “buông ra! buông ra...”, đồng thời giằng co, ôm, vật tôi xuống nền đất và dùng tay đánh nhiều cái trúng vào người tôi. Tôi vừa giằng co, chống trả, vừa la “cướp, cướp”, dùng chân đạp vào bụng làm Đ ngã văng ra khỏi người tôi. Ngay sau đó, tôi nhìn thấy Đ chạy theo lối nhỏ bên cạnh tường rào để trốn. Tôi chạy ra đường đến chốt bảo vệ Công ty Đ1 nói tôi bị cướp và nhờ báo Công an giúp. Quá trình giằng co, đánh nhau với Đ, tôi chỉ bị trầy xước nhẹ vùng mí mắt phải, ngón trỏ phải, bắp tay trái, không bị di chứng gì, nên tôi có đơn từ chối giám định thương tích (tỷ lệ tổn thương cơ thể). Sau vụ việc, ông Trần Văn S thay mặt Đ đến thăm hỏi và bồi thường toàn bộ thiệt hại cho tôi, tôi đã nhận đủ

10.000.000 đồng và đồng ý với mức bồi thường này, không có yêu cầu gì khác. Tôi đề nghị cơ quan chức năng giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho Đ.

Người làm chứng Lê Văn K khai tại Cơ quan Điều tra, có nội dung: Khoảng 21 giờ 30 phút ngày 02/01/2023, tôi đang trực bảo vệ tại Công ty S1 thì tôi nghe có tiếng tri hô “cướp, cướp...”. Tôi nhìn sang hàng rào thì thấy có một thanh niên mặc quân phục rần rí nhảy rào chạy vào sân Công ty, tôi cầm khúc cây nhựa kêu thanh niên kia dừng lại, người thanh niên không dừng lại và tiếp tục đi ra phía bờ sông phía sau Công ty, cùng lúc đó có người đàn ông khoảng 55 tuổi chạy đến nói “tôi chạy xe ôm bị cướp 02 cái điện thoại”. Lúc này, Công an xã có mặt kịp thời và phối hợp với chúng tôi truy bắt đối tượng. Đến khoảng 01 giờ ngày 03/01/2023, chúng tôi cùng lực lượng Công an bắt được đối tượng khi đang tìm đường tẩu thoát, đối tượng khai tên Trương Hải Đ. Sau khi Đ bị bắt, tôi thấy lực lượng Công an đã thu 01 điện thoại di động Nokia đối tượng khai nhận vừa cướp của người xe ôm, 01 Thẻ Quân nhân mang tên Trương Hải Đ. Sau đó, Công an xã đưa đối tượng về trụ sở làm việc.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án – Ông Trần Văn S khai tại phiên tòa và trong hồ sơ vụ án, có nội dung: Sau khi xảy ra sự việc, Trương Hải Đ đã nhờ ông thay mặt để thỏa thuận, bồi thường toàn bộ, một lần, xong cho bị hại Đỗ Văn T tổng số tiền là 10.000.000 đồng (bao gồm: 200.000 đồng tiền bị cáo mượn bị hại, 500.000 đồng tiền xe ôm bị hại chở bị cáo về đơn vị, 940.000 đồng tiền giá trị chiếc điện thoại Oppo Reno 4 mà bị cáo chiếm đoạt của bị hại, 8.360.000 đồng tiền bồi dưỡng phục hồi sức khỏe và tổn thất tinh thần). Đây là tiền của ông cho bị cáo để bồi thường cho bị hại, ông không yêu cầu bị cáo phải bồi hoàn. Điều kiện hoàn cảnh gia đình bị cáo rất khó khăn, bị cáo lại bị hạn chế khả năng nhận thức và điều khiển hành vi, do đó, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo.

Biên bản bắt người phạm tội quả tang ngày 03/01/2023 do Công an xã P, huyện N, tỉnh Đồng Nai lập, thể hiện: Vào lúc 21 giờ 50 phút, ngày 02/01/2023, Công an xã P nhận tin báo từ quần chúng nhân dân tại ấp R, xã P, huyện N, tỉnh Đồng Nai (gần Công ty S1) xảy ra vụ cướp tài sản của người chở xe ôm, nên phối hợp bảo vệ Công ty T2 bắt. Khoảng 01 giờ 30 phút ngày 03/01/2023, Công an xã P bắt được và đối tượng khai tên là Trương Hải Đ, sinh ngày 24/12/2003. Tang vật thu giữ là chiếc điện thoại Nokia màu xanh - đen, bên trong có sim mang số 0367567511; 01 Thẻ Hạ sĩ quan, binh sĩ tại ngũ số 320302231671, tên Trương Hải Đ.

Biên bản kiểm tra, xác định nơi xảy ra vụ việc ngày 13/02/2023, do Cơ quan Điều tra hình sự khu vực 3 Quân chủng Hải quân lập, ghi nhận: Nơi xảy ra vụ cướp tài sản là cổng phụ và khu vực bên trong tường rào của Công ty Đ1, địa chỉ: số A P, ấp R, xã P, huyện N, tỉnh Đồng Nai. Phía Bắc giáp với tường bê tông ngăn cách giữa Công ty Đ1 và Công ty S1, phía Đông Nam giáp với đường P, phía Tây giáp với nhà xưởng làm bằng tôn màu xanh nhạt của Công ty Đ1... Tại vị trí nạn nhân bị Đ đánh và đè lên người là nền đất giữa nhà xưởng và

tường ngăn cách với Công ty S1 ghi nhận có nhiều đất, đá xây dựng trên nền đất, có nhiều cây, cỏ bị gãy, khô. Vị trí này cách trạm điện Công ty Đ1 05m, cách tường ngăn cách Công ty S1 1m50, cách cổng phụ 15m60. Tại khu vực này ghi nhận giữa tường ngăn cách Công ty S1 và nhà xưởng Công ty Đ1 có 01 khoảng hở nhỏ rộng 0m55 kéo dài từ đầu nhà xưởng về hướng bờ sông.

Kết luận định giá tài sản số 38/KLĐG-HĐĐG và Biên bản định giá tài sản số 38/BB-HĐĐG ngày 22/02/2023 của Hội đồng định giá tài sản trong Tổ tụng hình sự huyện N, tỉnh Đồng Nai, xác định: 01 (một) điện thoại di động hiệu Oppo Reno 4, màu xanh dương, giá trị: 940.000 đồng; 01 (một) điện thoại di động hiệu Nokia, Model: TA-1235 màu xanh, kèm 01 pin theo máy số hiệu BL-5C 1020mAh 3,7V, giá trị: 300.000 đồng.

Kết luận giám định pháp y tâm thần theo trưng cầu số 942/KLGD, ngày 31/3/2023 của Trung tâm P1 đối với đối tượng giám định Trương Hải Đ đã kết luận: Về Y học: Trước, trong, sau khi thực hiện hành vi Cướp tài sản ngày 02/01/2023 cho đến hiện tại, Trương Hải Đ bị rối loạn loại phân liệt; về khả năng nhận thức và điều khiển hành vi: Trước, trong, sau khi thực hiện hành vi Cướp tài sản ngày 02/01/2023 đến hiện tại Trương Hải Đ hạn chế khả năng nhận thức và điều khiển hành vi; ý kiến khác: Bệnh tâm thần của Trương Hải Đ là bệnh cơ thể.

Hồ sơ vụ án thể hiện: Chiếc điện thoại di động hiệu Oppo Reno 4 của ông T, sau khi chiếm đoạt, bị cáo bỏ vào túi quần của mình, quá trình chạy trốn đã làm rơi mất; Cơ quan Điều tra đã tiến hành truy tìm, nhưng không tìm thấy. Khi quay lại hiện trường để tìm dép, bị cáo nhặt được và chiếm giữ 01 chiếc điện thoại di động Nokia màu xanh của ông T làm rơi khi vật lộn với bị cáo, có giá trị 300.000 đồng.

Tại Cáo trạng số 03/CT-VKS2 ngày 18 tháng 9 năm 2023, Viện kiểm sát quân sự khu vực 2 Quân chủng Hải quân đã truy tố Trương Hải Đ về tội “Cướp tài sản” theo khoản 1 Điều 168 Bộ luật Hình sự.

Tranh luận tại phiên tòa, Kiểm sát viên giữ nguyên nội dung, quyết định truy tố đối với bị cáo Trương Hải Đ. Trên cơ sở phân tích, đánh giá tính chất, mức độ, hành vi phạm tội, hậu quả vụ án, điều kiện, nguyên nhân phạm tội, nhân thân của bị cáo và các tình tiết khác có ý nghĩa cho việc giải quyết vụ án, Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử:

- Về Hình sự: Tuyên bố bị cáo Trương Hải Đ phạm tội “Cướp tài sản”.

Áp dụng khoản 1 Điều 168; các điểm b, q, s, khoản 1, khoản 2 Điều 51; các khoản 1, 3 Điều 54; khoản 1 Điều 38; các khoản 1, 2 và 5 Điều 65 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Trương Hải Đ từ 18 (mười tám) đến 24 (hai mươi bốn) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 36 (ba mươi sáu) đến 48 (bốn mươi tám) tháng tính từ ngày tuyên án. Giao bị cáo Trương Hải Đ cho Trung tâm BK, Bộ Tư lệnh Vùng B Hải quân để giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

- Về bồi thường thiệt hại: Ghi nhận bị cáo đã tự nguyện thỏa thuận bồi thường một lần, xong cho bị hại số tiền là 10.000.000 đồng.

- Về xử lý vật chứng: Ghi nhận vật chứng của vụ án và các giấy tờ có liên quan khác đã được Cơ quan Điều tra hình sự khu vực 3 Quân chủng Hải quân trả lại cho chủ sở hữu theo quy định.

- Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Tranh luận tại phiên tòa, bị cáo đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội; người đại diện hợp pháp của bị cáo không có ý kiến gì.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án – Ông Trần Văn S không có ý kiến tranh luận gì.

Lời nói sau cùng, bị cáo Trương Hải Đ xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, để bị cáo có điều kiện sửa chữa khắc phục sai phạm trở thành người công dân tốt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Điều tra hình sự khu vực 3 Quân chủng Hải quân, Điều tra viên; Viện kiểm sát quân sự khu vực 2 Quân chủng Hải quân, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục, quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Như vậy, có cơ sở để khẳng định các hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa cũng như tại Cơ quan Điều tra, bị cáo Trương Hải Đ đã khai nhận hành vi phạm tội của mình phù hợp với nội dung Cáo trạng đã nêu, phù hợp với các chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, thể hiện: Vì không có tiền trả tiền xe ôm và bức tức việc bị hại lấy tiền xe ôm giá cao, bị cáo Trương Hải Đ nảy sinh ý định chiếm đoạt tài sản là chiếc điện thoại Oppo Reno 4 màu xanh dương và số tiền 700.000 đồng mà bị cáo hứa trả cho bị hại T. Cho nên, vào khoảng 21 giờ 45 phút ngày 02/01/2023, tại khu vực Công ty Đ1, số A đường P, ấp R, xã P, huyện N, tỉnh Đồng Nai, lợi dụng lúc đêm tối, đường vắng ít người qua lại bị cáo đã có hành vi dùng tay đánh vào người của bị hại Đỗ Văn T để chiếm đoạt chiếc điện thoại nói trên trị giá 940.000 đồng và 700.000 đồng, tổng trị giá là 1.640.000 đồng. Hành vi dùng vũ

lực chiếm đoạt tài sản của người khác của bị cáo Trương Hải Đ đã đủ yếu tố cấu thành tội “Cướp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 168 Bộ luật Hình sự.

[3] Xét tính chất vụ án, hành vi phạm tội của bị cáo: Tính chất vụ án là rất nghiêm trọng, tội phạm mà bị cáo thực hiện đã xâm phạm đến quyền sở hữu hợp pháp về tài sản của ông T, xâm phạm trật tự an ninh xã hội, gây hoang mang trong quần chúng nhân dân. Bị cáo là chiến sĩ đang thực hiện nghĩa vụ quân sự, đây là nghĩa vụ thiêng liêng của công dân đối với Nhà nước, nhưng bị cáo không nghiêm chỉnh chấp hành mà tự ý vắng mặt trái phép, vi phạm pháp luật, kỷ luật Quân đội. Sau khi vắng mặt trái phép, bị cáo quay lại đơn vị nhưng chỉ vì lo sợ sẽ bị kỷ luật nên cố tình trốn tránh, là nguyên nhân sâu xa tạo điều kiện cho bị cáo phát sinh và thực hiện hành vi phạm tội. Qua đó cho thấy bị cáo có ý thức chấp hành pháp luật, kỷ luật kém. Tại thời điểm gây án, bị cáo có bệnh rối loạn phân liệt bị hạn chế năng lực nhận thức và khả năng điều khiển hành vi, tuy nhiên, bị cáo vẫn phải chịu trách nhiệm hình sự về hành vi phạm tội mà mình gây ra. Bởi vì, hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm trực tiếp đến quyền sở hữu tài sản của người khác. Do đó, cần phải xử phạt bị cáo mức án tương xứng với tính chất, hành vi phạm tội mà bị cáo đã gây ra.

[4] Về nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và hình phạt áp dụng đối với bị cáo: Bị cáo không có tiền án, tiền sự, không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Tính đến ngày bị cáo thực hiện hành vi phạm tội, bị cáo chưa bị xử lý hành chính, xử lý kỷ luật lần nào. Quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội đã gây ra, nên bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Sau khi thực hiện hành vi phạm tội, mặc dù hoàn cảnh gia đình bị cáo rất khó khăn, bản thân bị cáo không có tài sản riêng, nhưng bị cáo đã tự nguyện nhờ chỉ huy đơn vị là ông Trần Văn S đến gặp, thăm hỏi và bồi thường khắc phục hậu quả cho bị hại Đỗ Văn T số tiền 10.000.000 đồng; do đó, bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Trước, trong và sau khi thực hiện hành vi vi phạm pháp luật ngày 02/01/2023 đến hiện tại, bị cáo Trương Hải Đ bị hạn chế khả năng nhận thức và điều khiển hành vi; do đó, bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm q khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Quá trình điều tra vụ án, bị hại Đỗ Văn T xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo, nên bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Xét toàn diện nội dung vụ án, thấy rằng: Trước ngày bị cáo thực hiện hành vi phạm tội, thì bị cáo luôn chấp hành đúng chính sách, pháp luật và thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ của công dân ở nơi cư trú, nơi làm việc; bị cáo có nơi cư trú rõ ràng, cụ thể; hiện tại bị cáo đang là Quân nhân; không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự; mặc dù bị cáo phạm tội thuộc trường hợp rất nghiêm trọng, nhưng bị cáo được hưởng 03 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại khoản 1 Điều 51 và 01 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Trên tinh thần sự khoan hồng của pháp luật,

tính mục đích của hình phạt, cũng như yêu cầu đấu tranh phòng, chống tội phạm, Hội đồng xét xử áp dụng quy định tại khoản 1, khoản 3 Điều 54 Bộ luật Hình sự để quyết định hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt đối với bị cáo. Đối chiếu với quy định tại Điều 2 Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 và Điều 1 Nghị quyết số 01/2022/NQ-HĐTP ngày 15/4/2022 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng Điều 65 của Bộ luật Hình sự về án treo thì bị cáo đủ điều kiện để được hưởng án treo theo chế định này. Vì vậy, Hội đồng xét xử xét thấy, không cần thiết cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội, mà giao bị cáo cho đơn vị để giám sát, giáo dục, cũng đủ để bị cáo có thời gian tu dưỡng, rèn luyện trở thành người công dân tốt, có ích cho xã hội sau này. Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo. Ý kiến đề nghị của Kiểm sát viên đối với bị cáo là có căn cứ chấp nhận.

[5] Về hành vi bị cáo nhặt được chiếc điện thoại hiệu Nokia màu xanh: Quá trình điều tra xác định, đây là chiếc điện thoại của bị hại T bị rơi ra khi ôm, vật nhau với bị cáo tại hiện trường. Bị cáo nhặt được chiếc điện thoại này là khi bị cáo quay lại tìm dép của mình, với mục đích chiếm giữ, khi ông T không có ở hiện trường. Hành vi trên của bị cáo có dấu hiệu của tội “Chiếm giữ trái phép tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 176 Bộ luật Hình sự. Tuy nhiên, tại Biên bản định giá tài sản số 38/BB.HĐĐG và Kết luận định giá tài sản số 38/KLĐG-HĐĐG cùng ngày 22/02/2023 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện N, tỉnh Đồng Nai, kết luận chiếc điện thoại di động hiệu Nokia, Model: TA-1235 màu xanh, kèm 01 pin theo máy số hiệu BL-5C 1020mAh 3,7V, giá trị: 300.000đ (ba trăm nghìn đồng). Do đó, hành vi này của bị cáo Trương Hải Đ không cấu thành tội “Chiếm giữ trái phép tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 176 Bộ luật Hình sự.

Đối với hành vi “Vắng mặt trái phép” tại đơn vị của Trương Hải Đ: Quá trình điều tra xác định, đây là lần đầu bị cáo vắng mặt trái phép tại đơn vị, sau khi được động viên đã trở lại đơn vị ngay và trước đó không bị xử lý kỷ luật hay bị xử lý bằng hình thức khác về hành vi này. Đối với thương tích của ông T, qua quá trình ôm, vật, giằng co đánh nhau với bị cáo thì ông T chỉ bị trầy xước nhẹ, Cơ quan Điều tra đã ra Quyết định trưng cầu giám định xác định tỷ lệ tổn thương cơ thể, nhưng ông T có đơn từ chối với lý do thương tích không đáng kể và hiện tại thương tích đã không còn. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét trách nhiệm hình sự những hành vi này đối với bị cáo.

[6] Về bồi thường thiệt hại: Căn cứ khoản 1 Điều 48 Bộ luật Hình sự, khoản 1 các Điều 584, 585, 586, 589 Bộ luật Dân sự, bị cáo Trương Hải Đ phải bồi thường toàn bộ thiệt hại cho ông Đỗ Văn T, phải hoàn trả cho ông Trần Văn S số tiền 10.000.000 đồng mà ông S đã bỏ ra thay bị cáo bồi thường cho bị hại T. Quá trình giải quyết vụ án, bị cáo tự nguyện nhờ chỉ huy đơn vị là ông Trần Văn S đến nhà ông Đỗ Văn T thay mặt bị cáo thăm hỏi và xin lỗi ông T; đồng thời bồi thường, khắc phục hậu quả thiệt hại cho ông T với số tiền 10.000.000 đồng (theo Biên bản thỏa thuận về việc bồi thường thiệt hại ngày 30/6/2023).

Xét thấy, thỏa thuận này là sự tự nguyện của các bên phù hợp với quy định của pháp luật, nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

Đối với số tiền 10.000.000 đồng mà ông Trần Văn S đã bỏ ra để bồi thường thay bị cáo cho bị hại Đỗ Văn T: Thấy hoàn cảnh của bị cáo khó khăn, nên ông S đã cho bị cáo số tiền này. Xét thấy, đây là sự tự nguyện, quyền tự định đoạt của đương sự không trái quy định của pháp luật, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Về xử lý vật chứng: Trước khi xét xử, Cơ quan Điều tra hình sự khu vực 3 Quân chủng Hải quân đã trả lại: 01 (một) điện thoại di động hiệu N1, Model TA-1235 màu xanh, kèm 01 pin theo máy số hiệu BL-5C 1020mAh 3,7V, 01 sim điện thoại số thẻ 8401200251095169 cho ông Đỗ Văn T theo Quyết định số 48/QĐ-XLTS và Biên bản về việc trả lại tài sản, đồ vật, tài liệu cùng ngày 19/7/2023. Trả lại 01 (một) Thẻ Hạ sĩ quan, binh sĩ tại ngũ số 320302231671 mang tên Trương Hải Đ do Bộ Tư lệnh Vùng D Hải quân cấp ngày 01/4/2022 cho bị cáo Trương Hải Đ theo Quyết định số 51/QĐ-XLTS ngày 23/8/2023 và Biên bản về việc trả lại tài sản, đồ vật, tài liệu ngày 24/8/2023. Việc trả lại các đồ vật, tài liệu trên là đúng quy định của pháp luật, nên Hội đồng xét xử không xem xét lại.

[8] Về án phí: Căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015 của Quốc hội; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, bị cáo Trương Hải Đ phải chịu 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên, căn cứ vào điểm g khoản 2 Điều 260 Bộ luật Tố tụng hình sự;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về hình sự:

Tuyên bố bị cáo Trương Hải Đ phạm tội “Cướp tài sản ”.

Áp dụng khoản 1 Điều 168; khoản 1 Điều 38; các điểm b, s, q khoản 1, khoản 2 Điều 51; các khoản 1, 3 Điều 54; các khoản 1, 2, 5 Điều 65 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Trương Hải Đ 18 (mười tám) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 36 (ba mươi sáu) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm là ngày 26/10/2023.

Giao bị cáo Trương Hải Đ cho Trung tâm BK, Bộ Tư lệnh Vùng B Hải quân để giám sát, giáo dục trong thời gian bị cáo chấp hành thời gian thử thách. Trường hợp, trong thời gian thử thách mà bị cáo thay đổi nơi làm việc thì thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 92 Luật Thi hành án hình sự. Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ hai lần trở lên theo quy định của Luật Thi hành án hình sự, thì Tòa án có thể quyết định buộc

người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của Bản án đã cho hưởng án treo.

2. Về bồi thường thiệt hại:

Ghi nhận bị cáo Trương Hải Đ đã tự nguyện thỏa thuận, bồi thường xong cho bị hại Đỗ Văn T với tổng số tiền là 10.000.000 (mười triệu) đồng.

3. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự, bị cáo Trương Hải Đ phải chịu 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

4. Quyền kháng cáo đối với Bản án:

Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 26 tháng 10 năm 2023) đối với bị cáo, người đại diện hợp pháp của bị cáo; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có mặt tại phiên tòa và trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được Bản án đối với bị hại vắng mặt tại phiên tòa, có quyền kháng cáo Bản án này lên Tòa án quân sự Quân chủng Hải quân./.

Nơi nhận:

- TAQS TW;
- TAQS QCHQ;
- VKSQS QCHQ;
- Phòng THA QCHQ;
- CQTHAHS QK7;
- VKSQS KV2 QCHQ;
- CQĐTHS KV3 QCHQ;
- Bị cáo Trương Hải Đ;
- Người đại diện hợp pháp của bị cáo;
- Bị hại Đỗ Văn T;
- NCQL, NVLQĐVA;
- Trung tâm BK BTL Vùng B HQ;
- Lưu THAHS;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

3// Nguyễn Kim Việt